

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ
Tháng 8 năm 2025

	Tháng 8 năm 2025 so với:				%
	Kỳ gốc 2019	Tháng 8 năm 2024	Tháng 12 năm 2024	Tháng 7 năm 2025	Bình quân 8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024
Chỉ số giá tiêu dùng	119,96	103,15	102,54	99,96	103,36
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	124,60	101,95	100,68	99,77	103,12
Trong đó: Lương thực	129,27	98,15	95,09	100,66	99,83
Thực phẩm	122,47	101,84	101,44	99,52	103,37
Ăn uống ngoài gia đình	129,08	104,67	101,78	100,04	104,35
Đồ uống và thuốc lá	119,30	103,59	102,46	100,09	103,98
May mặc, mũ nón và giày dép	110,34	103,79	101,80	100,79	102,54
Nhà ở và vật liệu xây dựng	127,96	107,26	106,09	99,98	106,47
Thiết bị và đồ dùng gia đình	115,50	101,74	101,48	100,26	101,59
Thuốc và dịch vụ y tế	132,54	117,21	116,82	100,03	117,32
Trong đó: Dịch vụ y tế	138,99	123,12	123,12	100,00	123,12
Giao thông	107,39	97,39	99,20	99,75	96,36
Bưu chính viễn thông	99,06	99,23	99,38	99,67	99,64
Giáo dục	117,83	100,17	100,10	100,03	100,20
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	116,58	100,00	100,00	100,00	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	106,16	100,80	101,90	100,24	99,95
Hàng hóa và dịch vụ khác	122,82	102,86	101,57	100,22	106,04
Chỉ số giá vàng	281,17	142,67	129,85	100,20	141,17
Chỉ số giá đô la Mỹ	113,41	104,23	103,61	100,35	103,29